

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 1712/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi
tuyển công chức tỉnh Quảng Bình năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức; Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thi tuyển công chức tỉnh Quảng Bình năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 637/SNV-CBCCVC ngày 22/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách **159** người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển công chức tỉnh Quảng Bình năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Quảng Bình năm 2020 căn cứ danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển để tổ chức kỳ thi tuyển công chức theo đúng quy chế và quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Quảng Bình năm 2020, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Sở Nội vụ (đăng website);
- HĐThi tuyển công chức tỉnh QB năm 2020;
- Lưu: VT, SNV, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Công Thuật

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ TUYỂN KỲ THI CÔNG CHỨC TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1712 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
1	Hoàng Thuận	An	Nam	02/12/1987	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB													
2	Đoàn Ngọc Hoàng	Anh	Nam	27/8/1996	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
3	Lê Lâm	Anh	Nữ	07/9/1997	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Luật	B1	ƯDCNT TCB													
4	Dương Chí	Anh	Nam	19/8/1995	Nông Trường Việt Trung, Bồ Trạch, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B1	B													
5	Lê Đức	Anh	Nam	30/3/1984	Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Luật	B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	
6	Đoàn Phan	Anh	Nam	26/9/1992	P.Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	B	ƯDCNT TCB												
7	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	29/9/1993	Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	ƯDCNT TCB												
8	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	13/12/1992	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB												
9	Trần Nguyễn Vân	Anh	Nữ	09/02/1997	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản trị nhân lực	TOEIC	ƯDCNT TCB												
10	Ngô Văn	Bình	Nam	20/4/1986	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Công nghệ thông tin	C	ĐH		ĐH					X					
11	Nguyễn Thái	Bình	Nam	15/1/1996	Liên Trường, Quảng Trạch, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB												
12	Trần Đăng	Bình	Nam	19/8/1982	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Tin học và Luật	B	ĐH		ĐH				X						
13	Công Đức	Châu	Nam	14/10/1990	Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	B							X					

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
14	Trần Khánh	Chi	Nữ	14/9/1992	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	C	UDCNT TCB	TN ĐH bằng tiến g NN ở VN												
15	Lê Hồng	Chung	Nam	12/3/1978	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Sư phạm Toán	B	B													
16	Trương Thị Anh	Đào	Nữ	27/6/1980	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	ĐH		ĐH											
17	Phan Hải	Đặng	Nam	20/12/1994	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	UDCNT TCB													
18	Cao Thành	Đạt	Nam	9/6/1991	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	UDCNT TCB						X							
19	Phạm Thế	Đạt	Nam	8/11/1997	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Luật	B	B													
20	Trần Công Tiến	Đạt	Nam	24/11/1995	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Thú y	A2	IC3													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, tri thức trẻ TN	
21	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	20/7/1984	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn học	B	ƯDCNT TCB													
22	Phạm Thị	Dung	Nữ	18/4/1989	Quảng Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình	Hành chính học	B	ƯDCNT TCB													
23	Trần Thị Mai	Dung	Nữ	20/4/1977	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
24	Phạm Minh	Dũng	Nam	02/6/1996	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật Kinh tế	B1	ƯDCNT TCB													
25	Đoàn Thị Thùy	Dương	Nữ	8/12/1997	Quảng Hòa, Ba Đồn, Quảng Bình	Luật	B1	ƯDCNT TCB													
26	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	5/10/1997	P. Ba Đồn, Tx.Ba Đồn, Quảng Bình	Kế toán	C	ƯDCNT TCB													
27	Cao Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22/01/1997	X. Minh Hóa, H. Minh Hóa, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
28	Phan Lâm Thùy	Duyên	Nữ	1/11/1991	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản trị nhân lực	B1	ƯDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
29	Đinh Thị Hương	Giang	Nữ	16/01/1994	Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Luật	B	B													
30	Hoàng Thị Hồng	Hà	Nữ	15/7/1987	Quang Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Đông phương học-Trung Quốc học	B	B													
31	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	03/3/1983	Nhân Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	Kế toán	B	KTV													
32	Trần Ngọc Hải	Hà	Nữ	1/4/1995	Văn Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Sư phạm Ngữ văn	B	B													
33	Phạm Thị Hải	Hạ	Nữ	27/10/1996	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	Luật	B1	B													
34	Ngô Quang	Hải	Nam	20/11/1989	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Luật	B	B													
35	Đặng Thị Diệu	Hằng	Nữ	20/2/1988	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	C	ƯDCNT TCB													
36	Dương Thị Mỹ	Hằng	Nữ	28/11/1997	Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Luật	B1	ƯDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
37	Lê Thị Hằng	Hằng	Nữ	25/8/1996	Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Bình	Tài chính- ngân hàng	B	B													
38	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/2/1983	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật Kinh tế	B	UDCNT TCB							X						
39	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	30/11/1996	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Tài chính - ngân hàng	TOEIC	B													
40	Nguyễn Thị Việt	Hằng	Nữ	24/8/1984	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	UDCNT TCB													
41	Phan Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	13/5/1997	Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật	B1	UDCNT TCB													
42	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	13/11/1986	P.Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Công nghệ thông tin và Luật	B	ĐH		ĐH											
43	Trần Văn	Hiếu	Nam	7/12/1987	Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Bảo vệ thực vật	C	B													
44	Võ Đức	Hiếu	Nam	21/8/1997	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	Luật	B	UDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCBHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
45	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	15/12/1992	Quảng Lộc, Ba Đồn, Quảng Bình	Sư phạm Ngữ văn	B	B													
46	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	16/12/1995	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	B1	UDCNT TCB													
47	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	10/1/1994	Đồng Môn, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Luật	B1	B													
48	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	18/11/1980	Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	B	THVP													
49	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	1/7/1988	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	B	KTV													
50	Nguyễn Khánh	Hoàng	Nam	6/10/1985	Phong Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	UDCNT TCB													
51	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	05/8/1992	Thuận Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	B	B													
52	Nguyễn Thị Như	Hồng	Nữ	16/3/1987	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Nông học	B1	UDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NĐHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
53	Đỗ Quốc	Huân	Nam	11/3/1995	Kiến Giang, Lệ Thủy, Quảng Bình	Luật Kinh tế	B1	ƯDCNT TCB													
54	Đỗ Viết	Hùng	Nam	3/12/1995	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
55	Trần Lê Đăng	Hùng	Nam	15/3/1985	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Công trình thủy lợi	B	ƯDCNT TCB													
56	Trương Quốc	Hung	Nam	15/9/1990	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	B	B													
57	Nguyễn Quang	Huy	Nam	25/9/1988	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB													
58	Nguyễn Thị Thương	Huyền	Nữ	1/3/1988	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Văn học	ĐH	ƯDCNT TCB	ĐH												
59	Trần Minh	Kiên	Nam	01/01/1996	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	C	ƯDCNT TCB													
60	Võ Thanh	Kỳ	Nam	10/10/1984	Trường Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	B						X							

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
61	Hà Hải	Lâm	Nam	18/7/1993	Mỹ Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình	Khoa học cây trồng	B	B													
62	Phạm Hồng	Lê	Nữ	7/9/1995	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật kinh tế	B1	ƯDCNT TCB													
63	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	28/3/1987	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Ngân hàng	C	ƯDCNT TCB													
64	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	24/11/1998	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Tài chính - ngân hàng	B1	B													
65	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	28/9/1996	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Bảo vệ thực vật	B	ƯDCNT TCB													
66	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	16/12/1991	Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	ƯDCNT TCB													
67	Phạm Đăng	Linh	Nam	01/7/1989	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	B													
68	Phan Diệu	Linh	Nữ	26/6/1996	Hải Phú, Bồ Trách, Quảng Bình	Luật	A2	ƯDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
69	Trần Khánh	Linh	Nữ	25/8/1995	Quảng Thọ, Ba Đồn, Quảng Bình	Kế toán	B1	ƯDCNT TCB													
70	Trần Mỹ	Linh	Nữ	05/6/1992	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	C	ƯDCNT TCB	TN sau ĐH ở NN												
71	Trần Thị	Linh	Nữ	23/12/1991	An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	B	B							X						
72	Trương Thị Phương	Loan	Nữ	16/9/1986	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	B	B													
73	Hoàng Thanh	Lương	Nam	11/1/1984	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB						X							
74	Trần Thị My	Ly	Nữ	9/10/1994	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Luật	B1	B													
75	Cao Thị Hoài	My	Nữ	15/12/1996	Hóa Hợp, Minh Hóa, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
76	Lê Thị	Minh	Nữ	24/7/1982	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý đất đai	B	KTV						X							

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
77	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	15/3/1986	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Trồng trọt	B	B													
78	Đàm Thế	Mạnh	Nam	14/4/1977	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	Y Đa khoa	C	UDCNT TCB						X							
79	Hoàng Việt	Mỹ	Nam	28/12/1988	Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	THVP													
80	Đoàn Thị Kim	Na	Nữ	11/11/1979	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán và Luật Kinh tế	B	UDCNT TCB													
81	Lê Phương	Nam	Nam	26/4/1993	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	B													
82	Nguyễn Phương	Nam	Nam	6/1/1990	Trung Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	C	B	TN sau ĐH bằng tiếng NN ở VN												
83	Phan Hoài	Nam	Nam	3/3/1993	Lộc Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Kiểm toán	B1	B													
84	Hoàng Thị Huyền	Nga	Nữ	25/10/1997	Sơn Lộc, Bố Trạch, Quảng Bình	Luật	B1	UDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
85	Trần Thị Tuyết	Nga	Nữ	5/5/1994	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B2	B													
86	Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	16/01/1994	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Dược sĩ	TOEFL	UDCNT TCB													
87	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	14/6/1996	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Luật	TOIEC	UDCNT TCB													
88	Phạm Văn	Ngọc	Nam	6/12/1995	Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Lâm nghiệp	B	UDCNT TCB													
89	Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	4/4/1997	Quảng Sơn, Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý đất đai	A2	UDCNT TCB													
90	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	25/10/1988	Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Nông học	B	UDCNT TCB													
91	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	23/9/1996	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Luật	B	UDCNT TCB													
92	Lê Văn	Nhất	Nam	14/1/1981	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Công tác xã hội	B	B						X							

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
93	Lê Thảo	Nhi	Nữ	13/10/1994	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Sư phạm Ngữ văn	B1	ƯDCNT TCB													
94	Đặng Thị Quỳnh	Như	Nữ	8/20/1995	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật	TOEIC	IC3													
95	Hoàng Tố	Như	Nữ	31/10/1991	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	ƯDCNT TCB													
96	Phạm Anh	Như	Nữ	20/6/1994	Đức Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Kế hoạch đầu tư	C	B													
97	Bùi Thị Tuyết	Nhung	Nữ	18/12/1997	Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật Kinh tế	B1	ƯDCNT TCB													
98	Lê Hồng	Nhung	Nữ	26/7/1997	Thuận Đức, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B1	ƯDCNT TCB													
99	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	7/7/1991	Quảng Thuận, Ba Đồn, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	C	ƯDCNT TCB													
100	Phùng Hải	Ninh	Nam	9/7/1978	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
101	Phạm Phong	Phú	Nam	17/1/1989	Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB													
102	Phạm Minh	Phúc	Nam	8/8/1997	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
103	Cao Văn	Phương	Nam	2/12/1988	Trung Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	B													
104	Hoàng Hà	Phương	Nữ	21/8/1995	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật	ĐH	ƯDCNT TCB	ĐH												
105	Phạm Hồng	Phương	Nam	6/11/1986	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB						X							
106	Phan Thị Bích	Phương	Nữ	21/3/1997	Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	Tài chính	A2	ƯDCNT TCB													
107	Hồ	Quang	Nam	12/12/1997	Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	Kinh tế và Quản lý công	A2	ƯDCNT TCB													
108	Nguyễn Như	Quỳnh	Nam	19/5/1982	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
109	Nguyễn Phong	Quỳnh	Nữ	25/12/1991	Quảng Tân, Ba Đồn, Quảng Bình	Tài chính - ngân hàng	C	UDCNT TCB													
110	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	16/5/1995	Mai Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Luật	B	UDCNT TCB							X						
111	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/4/1991	Đại Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	B	UDCNT TCB													
112	Nguyễn Ngọc	Sâm	Nam	15/2/1996	Tây Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Thú y	B	UDCNT TCB							X						
113	Hoàng	Son	Nam	24/10/1989	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật Kinh tế - Quốc tế	B1	CĐ CNTT		CĐ CN TT											
114	Trần Thị	Tâm	Nữ	30/4/1995	Mai Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Luật	B	UDCNT TCB						X							
115	Lê Văn	Thái	Nam	10/4/1984	Hạ Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	B						X							
116	Trần Quang	Thắng	Nam	12/01/1995	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật	B	UDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
117	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	10/10/1983	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	UDCNT TCB													
118	Trần Phương	Thảo	Nữ	7/3/1991	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kinh tế phát triển	B1	B													
119	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/2/1996	Quảng Phong, Ba Đồn, Quảng Bình	Luật	B	UDCNT TCB													
120	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	19/6/1993	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	B1	KTV													
121	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	6/8/1989	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Công tác xã hội	B	B													
122	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	4/01/1982	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật và Kế toán	B	B													
123	Đinh Cao Khánh	Thùy	Nữ	24/8/1996	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	Luật	A2	UDCNT TCB													
124	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	03/3/1991	Quảng Tân, Ba Đồn, Quảng Bình	Kế toán	B	UDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
125	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	20/2/1990	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	B	ƯDCNT TCB													
126	Dương Phước	Thông	Nam	9/11/1983	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình	B	ƯDCNT TCB													
127	Nguyễn Kim	Tiến	Nam	22/12/1983	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB													
128	Nguyễn Thanh	Tình	Nam	4/8/1988	Hàm Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Quản lý tài nguyên rừng - Môi trường	C	KTV													
129	Lê Thị Thanh	Trang	Nữ	5/3/1997	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Luật	B1	ƯDCNT TCB													
130	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	30/4/1997	Hoàn Lão, Bồ Trách, Quảng Bình	Quản lý tài chính công	B1	IC3													
131	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	24/5/1997	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	C	CNTTNC													
132	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	24/6/1993	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Kế hoạch- Đầu tư	C	ƯDCNT TCB													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Còn liệt sỹ	Còn thương binh	Còn bệnh binh	Còn người như TB	Còn CB tiền khởi	Còn của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
133	Phạm Thị	Trang	Nữ	20/6/1988	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn học	B	ƯDCNT TCB													
134	Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	02/9/1995	Gia Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	B1	ƯDCNT TNC													
135	Cao Phương	Trinh	Nữ	15/12/1996	Quy Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
136	Hà Thị Ngọc	Trinh	Nữ	03/4/1996	Vĩnh Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Quản lý đất đai	B1	ƯDCNT TCB													
137	Lê Nữ Tuyết	Trinh	Nữ	8/5/1988	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Công nghệ thông tin	C	ĐH	TN ĐH bằng tiếng NN ở VN	ĐH											
138	Hoàng	Trọng	Nam	18/6/1989	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Luật	B	ƯDCNT TCB													
139	Phạm Như	Trinh	Nam	9/3/1990	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán- Kiểm toán	B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyển ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
140	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	14/3/1995	Tây Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	Dược sĩ	A2	ƯDCNT TCB													
141	Phạm Quốc	Trung	Nam	10/8/1990	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý đất đai	B1	ƯDCNT TCB						X							
142	Trần Ngọc	Trung	Nam	1/11/1993	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Luật Kinh tế	B1	B													
143	Lê Thanh	Trường	Nam	16/10/1996	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Quản lý tài nguyên rừng - Môi trường	B	B													
144	Nguyễn Minh	Tú	Nam	04/4/1989	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	Luật	C	KTV													
145	Nguyễn Thị	Tú	Nữ	10/2/1977	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	C	ƯDCNT TCB													
146	Lê Anh	Tuấn	Nam	7/3/1995	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Y học dự phòng	B1	ƯDCNT TCB													
147	Phạm Anh	Tuấn	Nam	18/11/1982	Hải Phú, Bồ Trạch, Quảng Bình	Bảo vệ thực vật	B	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2								Ưu tiên 3		Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA	TN XP, trí thức trẻ TN	
148	Lê Anh	Tuấn	Nam	3/7/1988	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Xây dựng công trình thủy	C	UDCNT TCB													
149	Lê Khánh	Tùng	Nam	14/5/1995	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	TOEIC	UDCNT TCB													
150	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	26/10/1983	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Quản lý đất đai	B	UDCNT TCB													
151	Nguyễn Văn	Tý	Nam	17/8/1984	Quảng Lộc, Ba Đồn, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	UDCNT TCB													
152	Hồ Thị Khánh	Vân	Nữ	26/01/1976	Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán	C	UDCNT TCB													
153	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	10/8/1993	Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Kế toán	C	B													
154	Mai Xuân	Vinh	Nam	24/5/1995	Kim Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	B1	B													
155	Đặng Thanh	Vũ	Nam	23/11/1992	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán - Kiểm toán	C	B													

TT	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Ngành/ Chuyên ngành	Tiếng Anh	Tin học	Miễn thi		Ưu tiên 2							Ưu tiên 3		Ghi chú	
									Tiếng Anh	Tin học	Ng dân tộc	Sỹ quan QĐ, CA chuyên ngành	Con liệt sỹ	Con thương binh	Con bệnh binh	Con người như TB	Con CB tiền khởi	Con của người NCDHH	Người hoàn thành NVQS CA		TN XP, trí thức trẻ TN
156	Lê Thế Hoàng	Vũ	Nam	01/12/1988	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Tài chính - Ngân hàng	C	ƯDCNT TCB													
157	Đinh Trần Long	Vũ	Nam	28/11/1996	Hóa Hợp, Minh Hóa, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	B													
158	Đặng Minh	Xuân	Nam	20/5/1987	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Lâm nghiệp	B	ƯDCNT TCB						X							
159	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	24/3/1993	Sơn Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Sư phạm Ngữ văn	B	B													

(Danh sách này gồm có 159 người)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Công Thuật

